ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3687 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 21 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo cho công tác bảo vệ, phát triển rừng tại các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Như Xuân, Mường Lát (đợt 2 và đợt 3 năm 2021)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, viện trợ;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định giá cước vận chuyển bằng xe ô tô cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 về việc hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát (đợt 2 năm 2021); Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về việc hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn 04 huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Như Xuân (đợt 2 năm 2021); Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 về việc hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn huyện Mường Lát (đợt 3 năm 2021);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 5731/STC-NSHX ngày 20/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí vận chuyển, giao nhận gạo cho công tác bảo vệ, phát triển rừng tại các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Như Xuân, Mường Lát (đợt 2 và đợt 3 năm 2021); cụ thể như sau:

1. Tổng số lượng gạo đã vận chuyển: 1.526,149 tấn.

2. Đơn giá vận chuyển: Theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh.

3. Địa điểm giao, nhận: Trung tâm huyện đến trung tâm xã và các điểm xã theo quy định.

4. Kinh phí hỗ trợ: 330.425.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

5. Nguồn kinh phí: Từ nguồn đảm bảo xã hội (đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh cấp kinh phí cho Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa để thực hiện.

2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa quản lý, sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán theo chế độ tài chính quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Như Xuân, Mường Lát; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTTT Nguyễn Văn Thi;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí (đồng)
	Tổng cộng (làm tròn số)	**330.425.000**
	Tổng cộng (I+II)	**330.425.299**
I	**Chi phí vận chuyển gạo**	**277.010.084**
1	Kinh phí vận chuyển và giao nhận gạo cho công tác bảo vệ, phát triển rừng tại 04 huyện (đợt 2 năm 2021)	138.917.885
-	Miền núi: 765,349 tấn x 30 km x (4.284 đ/tấn-km x 1,1) x 1,1	119.018.811
-	Chi phí chờ đợi (26.000 đ/t/xe/giờ x 765,349 tấn x 1 giờ)	19.899.074
2	Kinh phí vận chuyển và giao nhận gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số tự nguyện trồng và chăm sóc bảo vệ rừng trên địa huyện Mường Lát (đợt 2 và đợt 3 năm 2021)	138.092.199
-	Miền núi: 760,800 tấn x 30 km x (4.284 đ/tấn-km x 1,1) x 1,1	118.311.399
-	Chi phí chờ đợi (26.000 đ/t/xe/giờ x 760,800 tấn x 1 giờ)	19.780.800
II	**Chi phí giao nhận gạo**	**53.415.215**
1	Chi phí giao nhận gạo tại các huyện tính bình quân 35.000đ/ tấn: (1.526,149 tấn x 35.000 đồng/tấn)	53.415.215